

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2		
							4.0					
554	2223360525	Nguyễn Đức	Anh	02BK15A8	7.5	8.5	8.2		7.0		7.5	Đạt
555	2223360417	Đoàn Xuân Phương	An	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
556	2223360396	Phạm Thị Phương	Anh	02BK15A6.4	10.0	8.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
557	2223360408	Vũ Hải	Anh	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
558	2223360430	Nguyễn Kỳ	Anh	02BK15A6.4	10.0	10.0	10.0		6.0		7.6	Đạt
559	2223360370	Vũ Đức	Dũng	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
560	2223360409	Lê Trần Thùy	Dương	02BK15A6.4	5.0	7.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
561	2223360433	Lê Hoàng Ánh	Dương	02BK15A6.4	5.0	5.0	5.0		5.0		5.0	Đạt
562	2223360371	Huỳnh Chí	Đạt	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
563	2223360397	Lê Trọng Thành	Đạt	02BK15A6.4	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
564	2223360398	Nguyễn Đoàn Hiền	Đạt	02BK15A6.4	6.0	7.0	6.7		5.0		5.7	Đạt
565	2223360390	Nguyễn Hàn Nhật	Đông	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		5.0		6.7	Đạt
566	2223360400	Nguyễn Thị Khả	Hân	02BK15A6.4	6.0	10.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
567	2223360373	Trần Tuệ	Hiếu	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
568	2223360392	Nguyễn Huy	Hoàng	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		5.0		6.7	Đạt
569	2223360394	Hồ Minh	Hoàng	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
570	2223360375	Trần Thị Thu	Huyền	02BK15A6.4	5.0	7.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
571	2223360384	Võ Nguyễn Minh	Hưng	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
572	2223360399	Lê Thị Xuân	Hương	02BK15A6.4	10.0	10.0	10.0		6.0		7.6	Đạt
573	2223360367	Đỗ Trịnh Chí	Khang	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		5.0		6.7	Đạt
574	2223360372	Phan Nhật Minh	Khang	02BK15A6.4	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
575	2223360383	Nguyễn Minh	Khang	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
576	2223360415	Nguyễn Trần Chấn	Khang	02BK15A6.4	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
577	2223360422	Nguyễn Tuấn	Khanh	02BK15A6.4	5.0	7.0	6.3		5.0		5.5	Đạt
578	2223360424	Lê Bắc	Khăm	02BK15A6.4	6.0	9.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
579	2223360391	Hồ Anh	Khoa	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		5.0		6.7	Đạt
580	2223360414	Nguyễn Ngọc Kim	Loan	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
581	2223360361	Nguyễn Sơn	Long	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
582	2223360412	Nguyễn Quang	Lộc	02BK15A6.4	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
583	2223360407	Nguyễn Văn Bình	Minh	02BK15A6.4	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
584	2223360405	Nguyễn Hoàng Hải	My	02BK15A6.4	6.0	8.0	7.3		5.0		5.9	Đạt
585	2223240161	Bích Hường	Niê	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		7.0		7.9	Đạt
586	2223360362	Trần Vương Song	Ngân	02BK15A6.4	10.0	10.0	10.0		5.0		7.0	Đạt
587	2223360385	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
588	2223360401	Hà Bảo	Ngọc	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
589	2223360406	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	02BK15A6.4	10.0	10.0	10.0		5.0		7.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
590	2223360368	Cao Minh	Nhật	02BK15A6.4	8.0	7.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
591	2223360377	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
592	2223360429	Dương Nguyệt	Nhi	02BK15A6.4	8.0	9.0	8.7		5.0		6.5	Đạt
593	2223360381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
594	2223360357	Nguyễn Thiên	Phúc	02BK15A6.4	10.0	8.0	8.7		6.0		7.1	Đạt
595	2223360359	Võ Ngọc Phi	Phụng	02BK15A6.4	6.0	8.0	7.3		6.0		6.5	Đạt
596	2223360227	Lý Kiến	Quốc	02BK15A6.4	6.0	7.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
597	2223360366	Phan Văn	Tài	02BK15A6.4	10.0	8.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
598	2223360382	Võ Thành	Tài	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
599	2223360411	Nguyễn Phương Thanh	Tâm	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
600	2223360379	Lê Trúc	Tiên	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		5.0		6.7	Đạt
601	2223360380	Ngô Thanh	Vân	02BK15A6.4	10.0	9.0	9.3		6.0		7.3	Đạt
602	2223360451	Ngô Anh	Kiệt	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt
603	2223360153	Nguyễn Thị Yến	Như	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		6.0		6.8	Đạt
604	2203360285	Võ Quốc	Khánh	02TM13C1	8.0	8.0	8.0		5.0		6.2	Đạt